

Số: 111/BVSN-KSNK
Về việc mời chào giá một số mặt
hàng túi nilon đựng chất thải cho
Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng
Ninh năm 2026

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua túi nilon đựng rác thải của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh thuộc dự toán Mua sắm túi nilon đựng rác thải của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – Phường Tuần Châu - Tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Lê Thanh Tĩnh, Phó (phụ trách) khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, SĐT: 0963.272.459, email: khoaksnk.bvsn@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – Phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: khoaksnk.bvsn@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 16 tháng 01 năm 2026 đến trước 08h ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ký báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá theo phụ lục I đính kèm.
2. Bảng cung cấp thông tin hàng hóa và chào giá (Chi tiết tại phụ lục II đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, bốc xếp hàng: Vận chuyển và bàn giao và bốc xếp hàng vào tại kho của khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KSNK.



GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Cường

Phụ lục I

(Kèm theo công văn số 111/BVSN-KSNK ngày 15/01/2026 của
Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
1	Túi màu xám	- Hàng mới 100%, sản xuất năm 2026 - Kích thước: 60 x 110 cm (± 2 cm), gấp mép mỗi bên 15 cm. - Túi miệng bằng, không quai. - Chất liệu túi bằng nhựa LDPE hoặc PP hoặc tương đương (không làm bằng nhựa PVC) - Số lượng túi/ kg: 15 cái/kg (± 2 cái) - Đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ. - Túi phải in tên chất thải và biểu tượng cảnh báo theo quy định của thông tư 20/2021/TT của Bộ Y tế ngày 26/11/2021  CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG	1 kg/bịch, 25 kg/ bao	Việt Nam	Kg	3000
2	Túi màu xanh	- Hàng mới 100%, sản xuất năm 2026. - Kích thước: 60 x 110 cm (± 2 cm), gấp mép mỗi bên 15 cm. - Túi miệng bằng, không quai. - Chất liệu túi bằng nhựa LDPE hoặc PP hoặc tương đương (không làm bằng nhựa PVC) - Số lượng túi/ kg: 15 cái/kg (± 2 cái) - Đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ. - Túi phải in tên chất thải và biểu tượng cảnh báo theo quy định của thông tư 20/2021/TT của Bộ Y tế ngày 26/11/2021  CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG	1 kg/bịch, 25 kg/ bao	Việt Nam	Kg	650
3	Túi màu vàng	- Hàng mới 100%, sản xuất năm 2026. - Kích thước: 60 x 110 cm (± 2 cm), gấp mép mỗi bên 15 cm. - Túi miệng bằng, không quai. - Chất liệu túi bằng nhựa LDPE hoặc PP hoặc tương đương (không làm bằng nhựa PVC) - Số lượng túi/kg: 15 cái/kg (± 2 cái) - Đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ. - Túi phải in tên chất thải và biểu tượng cảnh báo theo quy định của thông tư 20/2021/TT của Bộ Y tế ngày 26/11/2021.  CHẤT THẢI LÂY NHIỄM	1 kg/bịch, 25 kg/ bao	Việt Nam	Kg	540
4	Túi màu vàng	- Hàng mới 100%, sản xuất năm 2026 - Kích thước: 44 x 80 cm (± 2 cm), gấp mép mỗi bên 15 cm. - Túi miệng bằng, không quai. - Chất liệu túi bằng nhựa LDPE hoặc PP hoặc tương đương (không làm bằng nhựa PVC) - Số lượng túi/ kg: 35 cái/kg (± 2 cái). - Đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ. - Túi phải in tên chất thải và biểu tượng theo quy định của thông tư 20/2021/TT của Bộ Y tế ngày 26/11/2021.  CHẤT THẢI LÂY NHIỄM	1 kg/bịch, 25 kg/ bao	Việt Nam	Kg	2100
5	Túi màu trắng	- Hàng mới 100%, sản xuất năm 2026 - Kích thước: 44 x 80 cm (± 2 cm), gấp mép mỗi bên 15 cm. - Túi miệng bằng, không quai. - Chất liệu túi bằng nhựa LDPE hoặc PP hoặc tương đương (không làm bằng nhựa PVC). - Số lượng túi/ kg: 35 cái/kg (± 2 cái). - Đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ. - Túi phải in tên chất thải và biểu tượng theo quy định của thông tư 20/2021/TT của Bộ Y tế ngày 26/11/2021.	1 kg/bịch, 25 kg/ bao	Việt Nam	Kg	280

		 CHẤT THẢI TÁI CHẾ				
6	Túi màu đen	- Hàng mới 100%, sản xuất năm 2026 - Kích thước: 44 x 80 cm (± 2 cm), gấp mép mỗi bên 15 cm. - Túi miệng bằng, không quai. - Chất liệu túi bằng nhựa LDPE hoặc PP hoặc tương đương (không làm bằng nhựa PVC). - Số lượng túi/ kg: 35 cái/kg (± 2 cái). - Đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ. - Túi phải in tên chất thải và biểu tượng theo quy định của thông tư 20/2021/TT của Bộ Y tế ngày 26/11/2021.  CHẤT THẢI NGUY HẠI KHÔNG LÂY NHIỄM	1 kg/bịch, 25 kg/ bao	Việt Nam	Kg	24
7	Túi màu xám	- Hàng mới 100%, sản xuất năm 2026 - Kích thước: 35 x 59 cm (± 2 cm), gấp mép mỗi bên 10 cm. - Túi miệng bằng, không quai. - Chất liệu túi bằng nhựa LDPE hoặc PP hoặc tương đương (không làm bằng nhựa PVC). - Số lượng túi/ kg: 65 cái/kg (± 2 cái). - Đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ. - Túi phải in tên chất thải và biểu tượng theo quy định của thông tư 20/2021/TT của Bộ Y tế ngày 26/11/2021.  CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG	1 kg/bịch, 25 kg/ bao	Việt Nam	Kg	1520
8	Túi màu xanh	- Hàng mới 100%, sản xuất năm 2026 - Kích thước: 35 x 59 cm (± 2 cm), gấp mép mỗi bên 10 cm. - Túi miệng bằng, không quai. - Chất liệu túi bằng nhựa LDPE hoặc PP hoặc tương đương (không làm bằng nhựa PVC). - Số lượng túi/ kg: 65 cái/kg (± 2 cái). - Đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ. - Túi phải in tên chất thải và biểu tượng theo quy định của thông tư 20/2021/TT của Bộ Y tế ngày 26/11/2021.  CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG	1 kg/bịch, 25 kg/ bao	Việt Nam	Kg	500
9	Túi màu trắng	- Hàng mới 100%, sản xuất năm 2026 - Kích thước: 30 x 49 cm (± 2 cm), gấp mép mỗi bên 10 cm . - Túi miệng bằng, không quai. - Chất liệu túi bằng nhựa LDPE hoặc PP hoặc tương đương (không làm bằng nhựa PVC). - Số lượng túi/ kg: 85 cái/kg (± 2 cái). - Đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ. - Túi phải in tên chất thải và biểu tượng theo quy định của thông tư 20/2021/TT của Bộ Y tế ngày 26/11/2021  CHẤT THẢI TÁI CHẾ	1 kg/bịch, 25 kg/ bao	Việt Nam	Kg	180
10	Túi màu vàng	- Hàng mới 100%, sản xuất năm 2026. - Kích thước: 30 x 49 cm (± 2 cm), gấp mép mỗi bên 10 cm . - Túi miệng bằng, không quai. - Chất liệu túi bằng nhựa LDPE hoặc PP hoặc tương đương (không làm bằng nhựa PVC). - Số lượng túi/ kg: 85 cái/kg (± 2 cái). - Đảm bảo lưu chứa an toàn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ. - Túi phải in tên chất thải và biểu tượng theo quy định của thông tư 20/2021/TT của Bộ Y tế ngày 26/11/2021.  CHẤT THẢI LÂY NHIỄM	1 kg/bịch, 25 kg/ bao	Việt Nam	Kg	1500
		Tổng cộng				10300

Phụ lục II

(Kèm theo công văn số 111/BVSN-KSNK ngày 15/01/2026 của
Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh)

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan:

STT	Số TT yêu cầu báo giá	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Năm sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá (VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(7)	(8)	(9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1		Túi màu A										
2		Túi màu B										
3												
Tổng: ... mặt hàng								Tổng thành tiền: (Bằng chữ: ...)				

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà
cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))